

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Kim Thị Sà Mết
2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tào Diệu Như, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 245/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1983 (có đơn yêu cầu vắng mặt). Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh Đ**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 10 năm 2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Bà T và ông Đ xây dựng hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 158, cấp ngày 03/12/2013. C sống có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thanh L, sinh ngày 25/01/2013, hiện cháu L đang sống cùng bà T tại ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên nhân yêu cầu ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, ông Đ hay ghen tuông, dùng những lời nói xúc phạm bà T, ông Đ không lo làm ăn, bà T nhiều lần khuyên

ngăn nhưng ông Đ không cải thiện mà còn tệ hơn. Sau khi cưới, bà T và ông Đ sống chung với cha mẹ chồng tại ấp N, xã V được khoảng 01 năm thì hai vợ chồng về nhà cha mẹ ruột bà T tại ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang sinh sống. Việc ông T và bà Đ phát sinh mâu thuẫn kể từ khi sinh cháu L, và mâu thuẫn này ngày càng trầm trọng, ông Đ đã về nhà cha mẹ ruột ông Đ sinh sống từ tháng 6 năm 2022 và từ đó bà T và ông Đ ly thân cho đến nay. Quá trình ly thân, ông Đ cũng không phụ bà T về kinh tế để nuôi con, không thăm nom con. Một mình bà T phải nuôi dạy con ăn học. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2024: Ông Đ thống nhất lời trình bày của bà T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông Đ thừa nhận cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, ông Đ và bà T đã ly thân hơn 02 năm nay. Tuy nhiên, ông Đ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, vì ông Đ muốn hàn gắn. Trường hợp có căn cứ cho ly hôn thì ông Đ yêu cầu Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu L, nếu cháu L theo ông thì ông nuôi và không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Thanh Đ. Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Thanh L, sinh ngày 25/01/2013 cho bà T tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 28 tháng 10 năm 2024, bà T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với ông Nguyễn Thanh Đ, đăng ký thường trú tại ấp N, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không rõ lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Đ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà T và ông Đ xây dựng hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 158, cấp ngày 03/12/2013 nên hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Theo bà T xác định quá trình chung sống, bà T và ông Đ thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay, điều này ông Đ thừa nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2024. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa bà T và ông Đ không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà T và ông Đ đã ly thân hơn 02 năm nay. Bà T không còn tình cảm với ông Đ; Mặc dù ông Đ xác định ông Đ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, vì ông Đ muốn hàn gắn.

Hội đồng xét xử xét thấy, bản thân ông Đ cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này càng trầm trọng hơn 02 năm nay, từ đó vợ chồng ông cũng ly thân. Bản thân ông Đ muốn hàn gắn cuộc sống vợ chồng, nhưng ông Đ không có biện pháp cụ thể trong khoảng thời gian ly thân. Từ đó, cho thấy mục đích hôn nhân của ông Đ và bà T không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Đ.

[5]. Về con chung: Bà T và ông Đ chung sống với nhau có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thanh L, sinh ngày 25/01/2013, hiện cháu L đang sống cùng bà T tại ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Quá trình làm việc tại Tòa án, bà T yêu cầu nuôi cháu L.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo các điều kiện cho con chưa thành niên. Trên cơ sở yêu cầu của bà T và nguyện vọng của cháu L (*cháu L có nguyện vọng ở với bà T*) và để đảm bảo sự ổn định ăn ở, học hành, sinh hoạt của cháu L, cần tiếp tục giao cháu L cho bà T nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Ông Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Đ xác định, quá trình chung sống không có tạo lập tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà T phải chịu 300.000 đồng, bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004408 ngày 06 tháng 11 năm 2024 được chuyển thu án phí.

[9]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Thanh Đ. Xử cho bà Nguyễn Thị T ly hôn đối với ông Nguyễn Thanh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh L, sinh ngày 25/01/2013 cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu L đang sống cùng bà T. Ông Đ không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn T1 không yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm T2 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà T phải chịu 300.000 đồng, bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004408 ngày 06 tháng 11 năm 2024 được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết